

Số: 222/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 11 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 342/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: anh Doãn Quốc V, sinh năm 1986; địa chỉ xóm 5, xã Hợp Thành, huyện T, thành phố H.

- *Bị đơn*: chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1997; địa chỉ ấp 3, xã M, huyện B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Doãn Quốc V và chị Lê Thị Hồng N. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55/2015 ngày 08/12/2015 của UBND xã Hợp Thành, huyện T, thành phố H chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: anh Doãn Quốc V và chị Lê Thị Hồng N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Doãn Quốc V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Doãn Lê Quốc T sinh ngày 12/6/2015. Ghi nhận anh V tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: hai bên khai không có.

- Về nợ chung: hai bên khai không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) anh Doãn Quốc V đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000221 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Do đó, anh V được nhận lại số tiền còn dư là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- [UBND xã Hợp Thành;](#)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên